

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-PT

Ngày: 06 - 9 - 2022

“V/v Yêu cầu chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ.

Các thẩm phán: Ông Trần Đức Long và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLPT - DS ngày 07/4/2022 về việc: Tranh chấp di sản thừa kế. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/TCDS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1485/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lưu Hùng S, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lưu Đức H, sinh năm 1939; địa chỉ: Số nhà X, ngõ H phố T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, địa chỉ cư trú: số M Ngõ L phố H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1958 nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Ông Lưu Xã H; sinh năm 1951; nơi cư trú: Số M, Ngõ S, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

+ Bà Lưu Thị Bích L1, sinh năm 1939; nơi cư trú: xóm B, thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Bà Lưu Thị Hồ L2; sinh năm 1947; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Bà Lưu Thị L3; sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Lưu Đức H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Bích L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn ông Lưu Hùng S trình bày*: Bố, mẹ ông là cụ Lưu Đức H1 (chết năm 2002) và cụ Nguyễn Thị T (chết năm 1975) sinh được 06 người con gồm: Ông Lưu Đức H, bà Lưu Thị Bích L1, bà Lưu Thị Hồ L2, ông Lưu Xã H, bà Lưu Thị L3 và Ông (Lưu Hùng S).

Các anh chị em trong gia đình trưởng thành và ra ở riêng. Năm 1982, ông S xây dựng gia đình với bà P rồi cùng sinh sống với bố trên mảnh đất do tổ tiên để lại có số thửa 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 632,4m², tại xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (sau đây gọi tắt là thửa 748). Trên thửa đất 748 trước đây có 01 căn nhà cũ do bố, mẹ ông xây dựng nhưng đã cũ nát nên bố ông đã bán, còn các tài sản hiện có trên thửa đất này đều do vợ chồng ông S, bà P tạo lập. Trước khi bố ông mất có để lại bút tích “*Nhà cửa tài sản trong gia đình do vợ chồng S xây dựng lên, sau tôi một trăm tuổi vợ chồng nó có quyền quản lý, sử dụng, đũa nào tranh chấp thời không được*”. Thực hiện lời cha dặn, cũng như quá trình sinh sống, quản lý thửa đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước qua các thời kỳ; năm 2005 khi xã có chủ trương đồng loạt về việc kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông đã thực hiện việc kê khai đối với thửa đất 748 và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ645776, số vào sổ: CH 1776 cấp ngày 15/12/2013. Trước và sau thời điểm gia đình ông thực hiện việc kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đất thì các anh, chị em trong gia đình ông đều biết việc này và hàng năm khi cúng giỗ bố mẹ không ai có ý kiến gì. Tuy nhiên, đến năm 2015 bà L1, ông H có đơn khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ngày 21/01/2020, UBND huyện B đã có quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 748 đã cấp cho gia đình ông. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của mình cũng như thực hiện lời dặn của cha trước khi mất, ông khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Trong đó ½ di sản của mẹ là cụ T (chết năm 1975) đã hết thời hiệu khởi kiện nên thuộc quyền sở hữu của ông theo Điều 623 Bộ luật dân sự. Vì vậy, ông chỉ yêu cầu phân chia ½ diện tích thửa đất 748 là phần di sản thừa kế của cụ H1 (chết năm 2002) theo quy định pháp luật.

- *Bị đơn, ông Lưu Đức H trình bày*: Về nguồn gốc di sản, hàng thừa kế, quá trình sử dụng đất và các tài sản trên đất giống như ông S trình bày và không có ý kiến gì. Tuy nhiên ông H cho rằng thửa đất trên là tài sản của bố, mẹ để lại và thuộc sở hữu chung của 06 người con, chỉ được sử dụng vào mục đích thờ cúng ông, bà tổ tiên và không ai có quyền được yêu cầu phân chia. Vì vậy, ông H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hoài P (vợ ông S) nhất trí như ý kiến của nguyên đơn ông Lưu Hùng S.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Hồ L2, ông Lưu Xã H và bà Lưu Thị L3 đều thống nhất trình bày: Nhất trí về lời khai của ông S về nguồn gốc di sản, hàng thừa kế, quá trình sử dụng đất và các tài sản trên đất. Các ông bà không có tranh chấp, yêu cầu gì đối với ông S và trong trường hợp buộc phải phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật thì các ông, bà đều đồng ý giao lại phần thừa kế của mình được hưởng cho ông S.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Bích L1 thống nhất như ý kiến của bị đơn ông Lưu Đức H.

- Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 11/11/2021): Thửa đất số 478, tờ bản đồ số 07 có diện tích 632,4m², trong đó có 200m² đất ở và 432,4m² đất vườn tọa lạc tại thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Giá đất ở 94.000 đồng/m²; giá đất vườn 20.000 đồng/m². Trên thửa đất có các tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 4, xây dựng kiên cố hoàn chỉnh có diện tích 102,5m² tích; 01 căn nhà cấp 4, xây dựng kiên cố hoàn chỉnh có diện tích 70m² tích; hàng rào xây dựng kiên cố bao quanh thửa đất dài 101,9m, sân phơi, trụ công, mái che và một số cây trồng khác. Toàn bộ tài sản trên đất ông S bà P đều khai nhận do vợ chồng xây dựng, tồn tạo qua nhiều năm và ông, bà đã sinh sống ổn định trên thửa đất từ năm 1983 cho đến nay.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/TCDS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm Số: 02/2022/QĐ-SCBSBA ngày 10/3/2022 của TAND huyện Bố Trạch) đã Quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 và điểm a khoản 7, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hùng S về việc phân chia di sản thừa kế.

2. Xác định phần di sản thừa kế đang còn thời hiệu khởi kiện của cụ Lưu Đức H1 là ½ thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 314m² (trong đó có 100 m² đất ở và 214m² đất vườn) tọa lạc tại thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có tổng giá trị 13.680.000 đ (Mười ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lưu Xã H, bà Lưu Thị L3 và bà Lưu Thị Hồ L2 về việc giao toàn bộ kỹ phần thừa kế của mình được hưởng theo quy định của pháp luật cho ông Lưu Hùng S.

4. Chia toàn bộ di sản thừa kế của cụ Lưu Đức H1 (chết năm 2002) bằng hiện vật cho ông Lưu Hùng S là ½ thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 314 m²

(trong đó có 100 m² đất ở và 214 m² đất vườn) tại thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có tổng giá trị 13.680.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Ông Lưu Hùng S có nghĩa vụ liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

5. Buộc ông Lưu Hùng S phải có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Đức H và bà Lưu Thị Bích L1 mỗi người số tiền 2.280.000 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) là số tiền được quy đổi từ kỹ phân mà ông H, bà L1 được hưởng từ 52,33m² đất nhưng không được phân chia bằng hiện vật.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lưu Hùng S và bà Nguyễn Thị Hoài P tự nguyện chi trả và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

7. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lưu Hùng S phải chịu 456.600 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Sơn được miễn tạm ứng án phí theo Quyết định số: 02/QĐ-MTUAP ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch và được miễn án phí dân sự sơ thẩm vì đã có đơn xin miễn án phí theo các Điều 13,14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Buộc ông Lưu Đức H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Lưu Thị Bích L1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo; nghĩa vụ chịu lãi suất và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022 bị đơn ông Lưu Đức H có đơn kháng cáo và ngày 16 tháng 3 năm 2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Bích L1 có đơn kháng cáo đều có chung nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án số 25/2022/TCDS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn cho rằng theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là thửa đất số 748, trong đó xác định ½ thửa đất này thuộc về nguyên đơn (do đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế và nguyên đơn là người trực tiếp quản lý thửa đất nên được hưởng), còn ½ còn lại chia đều cho 06 anh, chị em. Tuy nhiên bản án sơ thẩm lại quyết định giao cho nguyên đơn ½ thửa đất, còn lại ½ thửa đất chưa chia cho ai là xác định không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người kháng cáo ông Lưu Đức H và bà Lưu Thị Bích L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khẳng định đất đai của bố mẹ là tài sản chung của tất cả các người con và phải giữ nguyên để làm nơi thờ cúng bố, mẹ và tổ tiên. Trường hợp nếu phải chia thì người kháng cáo cũng yêu cầu chia bằng hiện vật (nhận đất); mặt khác trên thửa

đất hiện còn ngôi nhà của bố, mẹ để lại, ông S chỉ có công sửa chữa nâng cấp chứ không phải làm mới hoàn toàn, số tài sản này chưa được cấp sơ thẩm xem xét.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có quan điểm:* Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Theo quyết định của bản án sơ thẩm thì Tòa án chỉ mới chia thừa kế cho các đương sự đối với ½ thửa đất số 748, còn lại ½ thửa đất chưa chia, việc giải quyết vụ án như trên là chưa triệt để. Mặt khác cấp sơ thẩm không giao cho ông H, bà L1 nhận di sản thừa kế bằng hiện vật (giao đất) mà được nhận trị giá bằng tiền, tuy nhiên việc định giá tài sản không áp dụng theo giá thị trường là không đúng; cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ nguồn gốc ngôi nhà mà ông S đang sử dụng là do bố mẹ để lại (ông S chỉ sửa chữa, nâng cấp) hay do ông S xây dựng mới hoàn toàn. Các sai sót trên của cấp sơ thẩm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, không thể bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm, do đó đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc thửa đất số 748 tờ bản đồ số 07, diện tích 628 m², tại xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình là của vợ chồng cụ Lưu Đức H1 (chết năm 2002) và cụ Nguyễn Thị T (chết năm 1975) khai hoang, phục hóa và làm nhà ở từ rất lâu. Cụ H1 và cụ T sinh được 06 người con gồm: Ông Lưu Đức H (sinh năm 1939), bà Lưu Thị Bích L1 (sinh năm 1939), bà Lưu Thị Hồ L2 (sinh năm 1947), ông Lưu Xã H (sinh năm 1951), bà Lưu Thị L3 (sinh năm 1955) và ông Lưu Hùng S (sinh năm 1957).

Các con của cụ H1 và cụ T lần lượt trưởng thành và xây dựng gia đình ở riêng. Sau khi cụ T chết thì cụ H1 tiếp tục sinh sống trên thửa đất này với người con trai út là ông S. Đến năm 1982, ông S xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị Hoài P, vợ chồng ông S, bà P tiếp tục sống chung với bố (cụ H1), đến năm 2002 cụ H1 qua đời thì vợ chồng ông S, bà P tiếp tục sinh sống trên thửa đất cho đến nay.

[2] Năm 2005, vợ chồng ông S, bà P kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của bố, mẹ để lại. Ngày 15/12/2013 ông S, bà P được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, sau đó vào năm 2015 do ông H khiếu nại cho rằng Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông S, bà P không đúng (vì thửa đất là tài sản thừa kế của bố mẹ để lại nhưng chưa có ý kiến đầy đủ của tất cả 06 anh, chị, em). Do đó, đến ngày 21/01/2020 thì UBND huyện B đã ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S, bà P. Vì vậy, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 748 để ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về di sản thừa kế:* Các người con của cụ H1 và cụ T đều thống nhất trình bày: sinh thời bố mẹ của các ông, bà là cụ H1 và cụ T tạo lập được thửa đất tại thôn

A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay theo trích lục bản đồ địa chính do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B lập ngày 01/12/2021 thuộc thửa số 748, tờ bản đồ số 07, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có diện tích 628 m², và xác nhận thửa đất này là di sản thừa kế của của bố, mẹ (cụ H1 và cụ T) để lại cho các con.

[4] *Những người được hưởng thừa kế*: Cụ Lưu Đức H1 và cụ Nguyễn Thị T chết không để lại di chúc, nên theo quy định của pháp luật thì cả 06 người con của hai cụ (ông Lưu Đức H, bà Lưu Thị Bích L1, bà Lưu Thị Hồ L2, ông Lưu Xã H, bà Lưu Thị L3 và ông Lưu Hùng S) thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của bố, mẹ để lại.

[5] Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã nhận định thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T đã hết nên ½ thửa đất (phần di sản của cụ T) thuộc về ông S (ông S là người trực tiếp quản lý di sản), còn ½ thửa đất còn lại được chia đều thành 6 kỷ phần, trong đó ông S nhận được 4 kỷ phần (kỷ phần của bà Lưu Thị Hồ L2, ông Lưu Xã H, bà Lưu Thị L3 và của ông S), còn ông H và bà L1 mỗi người nhận 1 kỷ phần; và do trên toàn bộ thửa đất đã có công trình nhà cửa, hàng rào và các công trình phụ khác của ông S đã xây dựng kiên cố nên không thể tháo dỡ để chia cho ông H, bà L1 mỗi người một phần đất theo kỷ phần mà cần giao toàn bộ diện tích đất cho ông S và ông S phải trả lại trị giá bằng tiền cho ông H và bà L1.

Theo nhận định của bản án sơ thẩm, thì trong trường hợp này Tòa án phải tuyên giao cho ông S được nhận toàn bộ thửa đất số 748, tờ bản đồ số 7, diện tích **628 m²**, và ông S phải có nghĩa vụ trả lại cho bà L1, ông H số tiền trị giá 01 kỷ phần mà ông H, bà L1 được hưởng mới đúng. Tuy nhiên, mặc dù nhận định như trên nhưng trong phần quyết định của bản án sơ thẩm lại xác định phần di sản thừa kế đang còn thời hiệu khởi kiện của cụ H1 là ½ thửa đất 748; và đã quyết định giao cho ông S được nhận toàn bộ di sản thừa kế là **314 m² đất** (½ thửa đất số 748). Theo cách tuyên án như trên thì hiện còn ½ thửa đất 748 (314 m²) chưa được Tòa án giải quyết. Trong trường hợp nếu cho rằng ½ thửa đất (phần di sản của cụ T) đã hết thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế nên được giao cho người trực tiếp quản lý (giao cho ông S) thì Tòa án cũng phải tuyên trong bản án để xác định quyền sử dụng đất của ông S đối với phần đất mà mình được nhận, vì chỉ khi có quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì đương sự mới đủ điều kiện để đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà mình được nhận. Như vậy, việc xét xử như trên của cấp sơ thẩm là giải quyết chưa triệt để vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm do bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn (ông S) để kết luận toàn bộ tài sản trên đất (nhà lớn, nhà nhỏ, hàng rào, cây cối, ...) là của vợ chồng ông S xây dựng mới hoàn toàn. Trong khi đó, theo đơn trình bày của ông H, bà L1 và bà L2 (tại giai đoạn phúc thẩm) thì ngôi nhà mà ông S, bà P đang sử dụng là nhà của bố, mẹ (cụ H1 và cụ T) để lại; ông S và bà P chỉ có công tôn tạo, sửa chữa, nâng cấp chứ không phải làm

mới hoàn toàn như kết luận của Tòa án. Như vậy, việc Tòa án sơ thẩm chỉ dựa vào ý kiến của ông S để kết luận toàn bộ tài sản trên thửa đất đều do vợ chồng ông S xây dựng mới, là chưa đủ căn cứ vững chắc. Do đó, cần phải tiến hành điều tra, xác minh để làm rõ đối với ngôi nhà mà vợ chồng ông S đang sử dụng là của bố, mẹ để lại (ông S chỉ sửa chữa, nâng cấp,...) hay là do ông S làm mới hoàn toàn. Trong trường hợp nếu xác định được nhà do bố, mẹ để lại (ông S, bà P chỉ sửa chữa, nâng cấp,..) thì phải xác định trị giá ngôi nhà và trị giá phần nâng cấp, sửa chữa để phân chia thừa kế theo đúng quy định.

[7] Về định giá tài sản: Theo tinh thần của khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/4/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011 về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản đã quy định nguyên tắc định giá tài sản như sau: “2. Việc định giá tài sản được thực hiện dựa trên các tiêu chuẩn kỹ thuật, thực trạng của tài sản; phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản tại thời điểm định giá”. Như vậy, việc định giá tài sản trong vụ án này phải theo giá thị trường tại thời điểm tiến hành định giá. Biên bản định giá tài sản (Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách thành lập) ngày 11/11/2021 đã căn cứ vào *Quyết định của UBND tỉnh Quảng Bình về Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 - 2024* để xác định giá trị thửa đất số 748, tờ bản đồ số 7, xã H là không phù hợp với yêu cầu định giá theo giá thị trường. Từ việc không xác định được giá thị trường của thửa đất 748, dẫn đến việc Tòa án sơ thẩm quyết định giao cho ông S được nhận phần di sản thừa kế của ông H và của bà L1 (ông H 52,3 m² + 52,3 m² của bà L1 = 104,6 m² đất) và buộc ông S phải trả lại cho ông H và bà L1 mỗi người 2.280.000 đồng (trị giá 52,3 m² đất của mỗi người), việc phân chia như trên là chưa công bằng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà L1.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, cả ông H và bà L1 đều có chung quan điểm là không chia di sản thừa kế, tuy nhiên nếu phải chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại thì ông H, bà L1 đều có nguyện vọng được nhận bằng hiện vật (nhận đất). Xét thấy nguyện vọng này của ông H, bà L1 là chính đáng, do đó Tòa án sơ thẩm phải xem xét, thẩm định lại thửa đất, nếu có đủ điều kiện về diện tích, về lối đi, và không ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự an toàn của các công trình đã xây dựng, đặc biệt là nhà ở của ông S, thì phải chia di sản thừa kế bằng hiện vật (giao đất) cho ông H, bà L1 theo đúng quy định. Trường hợp không thể giao đất thì phải *định giá phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản tại thời điểm định giá* để bảo đảm quyền lợi cho người không được giao đất.

[9] Về sửa chữa, bổ sung bản án: Ngày 25/02/2022, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách ban hành bản án số 05/2022/DS-ST; ngày 10/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Bồ trạch đã ban hành *Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2022/QĐ-SCBSBA*. Theo quyết định trên thì Tòa án sơ thẩm đã sửa đổi bổ sung về diện tích thửa đất 748, theo đó trong bản án đã tuyên xác định thửa đất có diện tích **632,4 m²**, nay được sửa thành **628,0 m²**; trong bản án xác định phần đất giao cho ông S được

nhận là 316,2 m², trị giá 13.724.000 đồng, nay sửa thành 314m² trị giá 13.680.000 đồng; trong bản án xác định mỗi kỳ phân thừa kế (06 kỳ phân) được nhận 52,7m² đất trị giá 2.287.000 đồng, nay được sửa lại mỗi kỳ phân được nhận 52,3 m² đất trị giá 2.280.000 đồng.

Việc sửa chữa, bổ sung bản án khi có sự nhầm lẫn về số liệu là đúng quy định, tuy nhiên Tòa án sơ thẩm không nói rõ căn cứ vào đâu để Hội đồng xét xử sửa chữa lại diện tích đất (từ 632,4m² sửa thành 628,0m²), trong khi đó tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất xác định diện tích của thửa đất là 632,4m². Trường hợp nếu sửa chữa lại số liệu trong bản án thì đồng thời phải sửa chữa lại số liệu trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ mới đúng. Đây là sai sót cần rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết vụ án.

[10] Trong bản án gốc (bản án do Hội đồng xét xử sơ thẩm ký tại phòng nghị án) và trong biên bản nghị án thể hiện ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã miễn án phí sơ thẩm cho ông S. Tuy nhiên, trong Bản án chính lại tuyên buộc ông S phải chịu 457.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật.

[11] Xét thấy, những sai sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[12] Về án phí: Án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án. Kháng cáo của ông H, bà L1 được chấp nhận nên ông H, bà L1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình về “*Tranh chấp di sản thừa kế*” giữa nguyên đơn là ông Lưu Hùng S với bị đơn là ông Lưu Đức H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Hoài P, ông Lưu Xã H, bà Lưu Thị Bích L1, bà Lưu Thị Hồ L2 và bà Lưu Thị L3.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: ông Lưu Đức H và bà Lưu Thị Bích L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Lưu Đức H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền số 0003231 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch; trả lại cho bà Lưu Thị Bích L1 số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền số 0003232 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (06/9/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND h. Bố Trạch (kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục THADS H. Bố Trạch;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ